



Bản tin TƯ PHÁP QUẢNG NGÃI

BẢN TIN CỦA HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TỈNH

LỄ PHÁT ĐỘNG

Số 02

Tháng 6/2026

CUỘC THI TRỰC TUYẾN
“TÌM HIỂU CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT
VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ”

QUẢNG NGÃI, NGÀY 05 THÁNG 6



- * Quy định một số biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
- * Kết quả sau 01 năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp của Sở Tư pháp Quảng Ngãi
- * Chỉ đạo triển khai thực hiện công tác tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi



Ảnh bìa 1: Đồng chí Nguyễn Công Hoàng, Phó Chủ tịch UBND tỉnh - Chủ tịch Hội đồng PHPBGDPL tỉnh phát biểu

Chịu trách nhiệm xuất bản
ThS. TRÀ THANH DANH
(TUV, Giám đốc Sở Tư Pháp)

Biên tập
VƯƠNG VĂN TUYÊN
PHẠM THỊ THANH NGỌC

Thư ký biên tập và trình bày
PHÒNG PHỔ BIẾN,
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

★ Ban biên tập: 108 Phan Đình Phùng, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi
★ Điện thoại: 0255.3822774
★ Email: giaoducpl-stp@quangngai.gov.vn
★ Website: <http://stp.quangngai.gov.vn>
★ Giấy phép xuất bản số: 603/GP-XBBT ngày 25/12/2025 do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi cấp.



Bản tin TƯ PHÁP QUẢNG NGÃI

BẢN TIN CỦA HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TỈNH

TRONG SỐ NÀY

Trang

- Quy định một số biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi..... **Lệ Quỳnh** 1
- Kết quả sau 01 năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp của Sở Tư pháp Quảng Ngãi..... **Trang Nguyễn** 4
- Chỉ đạo triển khai thực hiện công tác tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi..... **Cẩm Giang** 8
- Kết quả và khó khăn, vướng mắc trong công tác rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành trước sáp nhập..... **Nguyễn Thị Hoa** 10
- Kết quả 05 năm thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị tại Sở Tư pháp Quảng Ngãi **Trang Nguyễn** 13
- Thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi..... **Luật gia Phạm Văn Chung** 16
- Một số điểm mới của Luật Tiếp cận thông tin sửa đổi năm 2026.....
..... **Thanh Ngọc** 20
- Quy định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại và cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030..... **Lệ Quỳnh** 25
- Nên cho phép người dân được cam kết khi thực hiện thủ tục hành chính..... **ThS-Lg Phạm Văn Chung** 27
- Quy định mới về công chứng áp dụng từ ngày 01/01/2027.....
..... **Trung Hiếu** 28
- Một số định hướng phát triển nhà ở trong thời gian tới.....
..... **Thanh Ngọc** 30
- Quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ xây dựng chính sách, pháp luật **Phạm Văn Chung** 33
- Ý kiến - phản ánh cần có thêm nhiều bãi chứa, bãi tập kết rác thải rắn..... **Vĩnh Linh** 34
- Đồng chí Hồ Tùng Mậu - Người cộng sản kiên trung, nhà lãnh đạo tài năng của Đảng, tấm gương đạo đức cách mạng cao đẹp..... 36

QUY ĐỊNH MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VÀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng của quá trình tổ chức thi hành pháp luật, là cầu nối đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức tự giác chấp hành và tinh thần thượng tôn pháp luật trong toàn xã hội.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác PBGDPL thời gian qua, đồng thời đề ra các biện pháp mang tính đồng bộ, lâu dài và phù hợp với giai đoạn mới, Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã thông qua Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 24/4/2026 quy định một số biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL và trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND*). Đây là cơ sở quan trọng để cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ, biện pháp, tạo điều kiện để các cấp, các ngành tổ chức triển khai hiệu quả công tác PBGDPL theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi, địa bàn quản lý, đáp ứng



Đoàn Giám sát của Ban Pháp chế HĐND tỉnh làm việc với Sở Tư pháp

yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới. Trong lĩnh vực PBGDPL, Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND đã đề ra một số biện pháp như:

Một là, hằng năm, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch PBGDPL phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị.

Hai là, xây dựng, phát triển nguồn nhân lực làm công tác PBGDPL bảo đảm số lượng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Hằng năm, phấn đấu trên 90% đội ngũ phóng viên, biên tập viên, công chức quản lý thông tin, báo chí, báo cáo viên pháp luật, công chức làm công tác pháp chế; tuyên truyền viên pháp

luật và hòa giải viên ở cơ sở được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng, nghiệp vụ PBGDPL; rà soát, kiện toàn, công nhận và nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên ở cơ sở, ưu tiên người tại chỗ, người dân tộc thiểu số, người có uy tín, có phương pháp và kỹ năng phổ biến pháp luật, huy động sự tham gia của Thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, luật gia, trợ giúp viên pháp lý.

Ba là, đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức PBGDPL phù hợp với địa bàn, nhóm đối tượng, nghề nghiệp, độ tuổi; tập trung vào các lĩnh vực pháp luật trọng tâm, thiết thực. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, kết hợp linh hoạt giữa hình thức truyền thống và hiện đại; bảo đảm tỷ lệ tổ chức hội nghị trực tuyến theo quy định. Kết hợp giữa PBGDPL với tư vấn pháp luật, hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật và xây dựng chuẩn tiếp cận pháp luật trong xây dựng nông thôn mới. Duy trì, phát huy các kết quả

và thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm sau:

Bảo đảm Nhân dân trên địa bàn được phổ biến pháp luật phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế; 100% các trường học tổ chức PBGDPL cho học sinh, sinh viên về quyền, nghĩa vụ cơ bản và các nội dung cần thiết khác. Cơ bản các dự án liên quan đến thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư phục vụ các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh được phổ biến đến người dân bị ảnh hưởng.

100% dự thảo các chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định được tổ chức truyền thông từ thời điểm lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp về chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đến khi được thông qua hoặc ban hành. 100% văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành được phổ biến đến đối tượng chịu sự tác động, điều chỉnh của văn bản. 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang nhân dân được trang bị kiến thức pháp luật chuyên ngành và các

lĩnh vực pháp luật khác liên quan đến hoạt động của mình.

100% người đang chấp hành hình phạt tù tại các Phân trại tạm giam khu vực; người đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, đặc khu; người bị phạt tù được hưởng án treo; người đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cấm đi khỏi nơi cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; người được đặc xá, tha tù trước thời hạn có điều kiện về cư trú, sinh sống tại địa phương; người phải thi hành án dân sự được phổ biến, giáo dục các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân và các lĩnh vực pháp luật liên quan.

Bốn là, phát huy vai trò của các cơ quan Tư pháp, Công an, Quân đội, Thi hành án trong công tác PBGDPL, lồng ghép công tác PBGDPL với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao (*đảm bảo giữ gìn trật tự an toàn xã hội; bảo vệ chủ quyền,*



*Đồng chí Vương Văn Tuyên, Phó Giám đốc Sở Tư pháp
phát biểu khai mạc chỉ đạo hội nghị*

an ninh quốc gia; hoạt động xét xử, kiểm sát; thi hành án).

Năm là, tập trung triển khai thực hiện hiệu quả các kế hoạch, chương trình, đề án trong công tác PBGDPL; đề cao vai trò chủ trì, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện.

Sáu là, các cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân cấp xã bảo đảm kinh phí, nhân lực, cơ sở vật chất để triển khai kế hoạch PBGDPL hằng năm theo hướng tăng tỷ lệ phù hợp từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và các nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy

động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định. Đẩy mạnh xã hội hóa; khai thác, huy động có hiệu quả các nguồn lực xã hội; huy động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia thực hiện PBGDPL.

Để triển khai thực hiện hiệu quả các biện pháp và chỉ tiêu tại Nghị quyết số 194/2026/NQ-HĐND, ngày 28/5/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 14/KH-UBND về triển khai thực hiện Nghị quyết trên phạm vi toàn tỉnh, nhằm tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và triển khai thống nhất, đồng bộ các nội dung của Nghị

quyết; đồng thời, xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra.

Việc ban hành Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND và Kế hoạch số 14/KH-UBND là cơ sở quan trọng để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh; qua đó, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân, xây dựng xã hội thượng tôn pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà trong giai đoạn mới. □

Lê Quỳnh

KẾT QUẢ SAU 01 NĂM

THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP CỦA SỞ TƯ PHÁP QUẢNG NGÃI



Đồng chí Trà Thanh Danh, Giám đốc Sở Tư pháp tham gia Đoàn công tác kiểm tra thực hiện dân chủ ở cơ sở tại xã Đắk Rve

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và các nghị quyết, kết luận, văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính đưa vào hoạt động đồng thời cấp tỉnh, cấp xã từ ngày 01/7/2025; Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức, triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về tổ chức và hoạt động của cơ quan, đảm bảo hoạt động công tác tư pháp được thực hiện thường xuyên, không bị gián đoạn, không bỏ sót nhiệm vụ. Nhìn lại 01 năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp,

Sở Tư pháp đã đạt được nhiều kết quả nổi bật.

Thực hiện tốt công tác sắp xếp, ổn định tổ chức bộ máy và hoạt động công tác tư pháp

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND tỉnh về việc thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Quảng Ngãi; Sở Tư pháp đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi; đồng thời, thực hiện việc sắp xếp, bố trí nhân sự và bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc Sở; ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Sở và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở; trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở.

Theo Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND, cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp gồm 05 phòng và 05 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở. Tuy nhiên, thực hiện việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập bên trong các cơ quan tại Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh;

Sở Tư pháp đã tham mưu trình UBND tỉnh thực hiện việc hợp nhất Phòng Công chứng số 1 và Phòng Công chứng số 2 thuộc Sở. Rà soát, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 bãi bỏ Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh và ban hành Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp để phù hợp với quy định về nhiệm vụ, quyền hạn đã được sửa đổi, bổ sung và thực tiễn cơ cấu tổ chức của Sở. Theo đó, cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp gồm 05 phòng, 04 đơn vị sự nghiệp công lập, được sắp xếp tinh gọn, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả, hoạt động ổn định, thông suốt theo đúng chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy. Hiện nay, thực hiện Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ; Sở Tư pháp đã tham mưu xây dựng, trình UBND tỉnh dự thảo Quyết định thực hiện việc hợp nhất hai Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh.

Đẩy mạnh hỗ trợ chuyên môn, nghiệp vụ cho UBND các xã, phường, đặc khu trong giai đoạn đầu thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

Cùng với việc chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ sắp xếp tổ chức bộ máy, Sở đã chú trọng triển khai thực hiện hoạt động hỗ trợ chuyên môn, nghiệp vụ cho UBND các xã, phường, đặc khu trong giai đoạn đầu thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Sở đã cử **09** tổ công tác thực tế tại UBND các xã: Lân Phong, Trà Bồng, Sơn Kỳ, Đắk Hà, Sơn Linh, Đắk Môn, Cà Đam, Xốp, Sơn Tây Thượng để tham gia hỗ trợ giải quyết

cùng công chức tư pháp tại địa phương. Lập hồ sơ đề nghị Sở Nội vụ ban hành quyết định điều động 05 công chức về nhận công tác tại UBND các xã, phường: Ba Động, Lân Phong, Đức Phổ, Ngọc Réo, Đắk Môn; ban hành quyết định biệt phái 01 công chức về UBND xã Đắk Môn để hỗ trợ chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực công tác tư pháp.

Từ ngày 01/7/2025 đến nay, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của các xã, phường, đặc khu trong việc tiếp cận quy định pháp luật mới khi thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền; Sở Tư pháp đã tổ chức **20** lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về quyền con người; cải cách hành chính; phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực tư pháp; về phòng, chống bạo lực gia đình; bình đẳng giới; phòng chống tội phạm... Đã biên soạn, phát hành **03** tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, giải đáp những tình huống phát sinh từ thực tiễn, gồm: (1) Tài liệu “*Hỏi - Đáp về giải quyết tình huống hộ tịch, nuôi con nuôi*”; (2) Sổ tay “*Hướng dẫn pháp luật về quốc tịch*”; (3) Cẩm nang “*Hướng dẫn nghiệp vụ về kỹ năng, nghiệp vụ giải quyết bồi thường nhà nước*”. Ban hành văn bản trả lời, hướng dẫn cụ thể, chi tiết đối với **38** vấn đề/nội dung liên quan đến 08 lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở trong thực hiện công tác tư pháp năm 2025 và triển khai nhiệm vụ công tác tư pháp năm 2026 do 34 xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh gửi về. Ngoài ra, Sở Tư pháp thường xuyên giải đáp, hướng dẫn cụ thể những vướng mắc, hỗ trợ khắc phục các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ qua nhóm Zalo “Tư pháp Qngai” và nhóm Zalo hỗ trợ thực tế; góp phần tạo sự ổn định trong giải quyết công việc tư pháp, hộ tịch theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp tại cơ sở.

Tập trung tham mưu xây dựng, hoàn thiện thể chế

Sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, áp lực đối với công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế nói chung và công tác xây dựng, thẩm định, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật chịu sự tác động của việc tinh gọn tổ chức bộ máy nói riêng là rất lớn. Từ ngày 01/7/2025, Sở Tư pháp đã thực hiện thẩm định **270** dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (*110 nghị quyết, 160 quyết định*). Trong lĩnh vực công tác tư pháp, đã tham mưu xây dựng, trình HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành **24** văn bản quy phạm pháp luật. Tham mưu theo dõi, triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị theo Kế hoạch số 370-KH/TU ngày 29/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 của UBND tỉnh.

Về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp đã tập trung tối đa nguồn nhân lực để tham mưu, xử lý các văn bản chịu sự tác động của việc tổ chức, sắp xếp bộ máy, kịp thời tham mưu UBND tỉnh trình HĐND và trình UBND tỉnh ban hành các văn bản hành chính để bãi bỏ một số văn bản do HĐND, UBND tỉnh trước sáp nhập đã ban hành. Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch xử lý các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và tỉnh Kon Tum (cũ) ban hành. Kết quả, tổng số văn bản đã hoàn thành xử lý trước ngày 01/6/2026 là **569** văn bản (*203 nghị quyết, 358 quyết định, 08 chỉ thị*) do HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và tỉnh Kon Tum (cũ) ban hành; số văn bản chưa hoàn thành xử

lý trước ngày 01/6/2026 có 25 văn bản (*03 nghị quyết, 22 quyết định*).

Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý

Xác định tầm quan trọng của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong giai đoạn đầu thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân, góp phần ổn định tư tưởng chính trị, xây dựng ý thức và lối sống thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; Sở Tư pháp - Cơ quan Thường trực Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh đã tăng cường đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, để công tác này thật sự trở thành cầu nối, truyền tải chính sách pháp luật đến với người dân. Điểm nổi bật, từ ngày 01/7/2025, Sở đã tham mưu tổ chức thành công 03 Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật, gồm: (1) Cuộc thi trực tuyến “*Tìm hiểu pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh*”, với **30.323** lượt tham gia; (2) Cuộc thi trực tuyến “*Tìm hiểu pháp luật và kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh*”, với **85.233** lượt tham gia; (3) Cuộc thi trực tuyến “*Tìm hiểu chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh*”, với **106.081** lượt người tham gia dự thi.

Về kết quả hoạt động trợ giúp pháp lý, hai Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh đã thực hiện trợ giúp pháp lý gần **800** vụ việc cho các đối tượng thuộc diện trợ giúp pháp lý là người nghèo, người có công với cách mạng, người đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em, người già, người buộc tội thuộc hộ cận nghèo,

người khuyết tật, người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi và một số đối tượng khác. Trong quá trình thực hiện vụ việc, các Trợ giúp viên pháp lý đã nâng cao vai trò, tính chuyên nghiệp và chất lượng trợ giúp pháp lý, nhất là trong hoạt động tố tụng thông qua việc số lượng vụ việc thành công hiệu quả ngày càng tăng, kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật.

Hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực hành chính và hỗ trợ tư pháp được chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, hiệu quả

Hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực hành chính và hỗ trợ tư pháp cũng được tăng cường thực hiện, bảo đảm hướng dẫn, trả lời kịp thời các khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị của các địa phương trong quá trình triển khai các nhiệm vụ công tác hộ tịch, nuôi con nuôi, chứng thực... trong giai đoạn đầu thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; đồng thời, các hoạt động công chứng, luật sư, đấu giá tài sản, giám định tư pháp và các lĩnh vực liên quan cũng được theo dõi, kiểm tra để kịp thời chấn chỉnh các tổ chức, cá nhân hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

Nhìn lại chặng đường 01 năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tập thể Lãnh đạo, công chức, viên chức Sở Tư pháp đã phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm và nỗ lực, đoàn kết, tập trung mọi nguồn lực hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Trong bối cảnh khối lượng công việc tăng lên đột biến do sáp nhập địa giới hành

chính, Sở Tư pháp đã bám sát các chủ trương, chỉ đạo của Trung ương và của Tỉnh, chủ động triển khai kịp thời mục tiêu tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác. Tổ chức bộ máy mới của Sở sau sắp xếp đã nhanh chóng ổn định, vận hành thông suốt; công tác tham mưu hoàn thiện thể chế, thẩm định và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện quyết liệt, kịp thời, hiệu quả theo tiến độ được giao. Định hướng trong thời gian tới, tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, Sở Tư pháp tiếp tục nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động, tham mưu thực hiện tốt nhiệm vụ công tác tư pháp. Trong đó, tập trung nguồn lực nâng cao chất lượng thẩm định văn bản quy phạm pháp luật; tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật theo Kế hoạch của Tỉnh ủy, Đảng ủy UBND tỉnh, UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị; đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao chất lượng hoạt động trợ giúp pháp lý và thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước trong các lĩnh vực hành chính, hỗ trợ tư pháp.

Với những kết quả đạt được sau 01 năm qua. Tin tưởng rằng, với tinh thần đoàn kết, chủ động và quyết tâm cao, tập thể Lãnh đạo, công chức, viên chức Sở Tư pháp sẽ hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và sự phát triển toàn diện của tỉnh nhà trong kỷ nguyên mới. □

Trang Nguyễn

CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC THI HÀNH PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

Thực hiện Công văn số 1901/VPCP-PL ngày 05/3/2026 của Văn phòng Chính phủ về Báo cáo tổ chức thi hành pháp luật năm 2025, cũng như nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh; ngày 08/4/2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã có văn bản chỉ đạo Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp sau:



*Đồng chí Trà Thanh Danh,
Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh
Quảng Ngãi tham gia ý kiến
tại Hội thảo về Đề án xây
dựng CSDL lớn về pháp luật,
Đề án ứng dụng AI
trong xây dựng & tổ chức
thi hành pháp luật*

Thứ nhất, về công tác tổ chức thi hành pháp luật

Tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả; chú trọng công tác hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm việc hiểu, áp dụng văn bản quy phạm pháp luật một cách thống nhất. Thường xuyên đánh giá hiệu quả của văn bản quy phạm pháp luật sau khi văn bản được ban hành; tăng cường các hoạt động điều tra, khảo sát nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong tổ chức thi hành pháp luật (*nhất là những vấn đề mới như chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phân quyền, phân cấp,...*);

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; đa dạng hóa phương thức truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật ngành, lĩnh vực mình phụ trách, nhất là thông qua ứng dụng công nghệ số;

Thường xuyên kiểm tra, rà soát, hợp nhất, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Chú ý theo dõi sát công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ và của Bộ, ngành chủ quản để kịp thời tham mưu UBND tỉnh xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan đến quy định, chính sách của tỉnh do thay đổi quy định, chính sách của Trung ương;

Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật;

Chú trọng kiểm tra văn bản thuộc thẩm quyền, bảo đảm chủ động, kịp thời, khách quan, đúng quy định pháp luật. Theo dõi việc xử lý văn bản quy phạm pháp luật để có biện pháp đôn đốc xử lý triệt để, đúng quy định, nhất là đối với văn bản quy phạm pháp luật có quy định trái pháp luật gây trở ngại đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, tổ chức, môi trường sản xuất, kinh doanh;

Chú trọng công tác kiểm tra về tổ chức thi hành pháp luật nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý trong công tác này; triển khai các giải pháp nhằm tăng cường năng lực cho công chức, viên chức làm công tác tổ chức thi hành pháp luật;

Bảo đảm đầy đủ các điều kiện cho tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật. Nâng cao năng lực tổ chức thực thi chính sách, thực thi pháp luật của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của cấp mình, ngành mình;

Kịp thời đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý, giải quyết đối với những vấn đề vượt thẩm quyền phát sinh trong quá trình tổ chức thi hành pháp luật.

Thứ hai, về thi hành pháp luật trong các lĩnh vực trọng tâm, liên ngành đã thực hiện trong năm 2025

Tập trung nguồn lực rà soát, kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật

còn vướng mắc, bất cập và kịp thời ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền; kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực này;

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý nghiêm minh, kịp thời các vi phạm pháp luật xảy ra;

Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc xác định nhu cầu thực tế để đề xuất việc bố trí kinh phí và các điều kiện bảo đảm khác cho công tác theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành phù hợp với tình hình thực tế;

Tăng cường phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan để nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực này; kịp thời đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền đối với những vấn đề vượt thẩm quyền.

Bên cạnh đó, Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh thực hiện đồng bộ, hiệu quả, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm nhiệm vụ quản lý nhà nước về tổ chức thi hành pháp luật; trong đó chú trọng việc quán triệt, hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ theo dõi việc thi hành pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật cho đội ngũ làm công tác này ở các sở, ngành, địa phương; tổ chức thực hiện các giải pháp cụ thể theo thẩm quyền nhằm tăng cường gắn kết giữa Sở Tư pháp với Văn phòng HĐND&UBND các xã, phường, đặc khu và công chức được giao nhiệm vụ làm công tác pháp chế tại các sở, ban ngành nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn. □

Cẩm Giang

Kết quả và khó khăn, vướng mắc

TRONG CÔNG TÁC RÀ SOÁT, XỬ LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO HĐND, UBND TỈNH BAN HÀNH TRƯỚC SÁP NHẬP

Để đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh sau sáp nhập, đầy đủ cơ sở pháp lý phục vụ cho hoạt động của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh được thông suốt, hiệu quả thì hoạt động rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật ban hành trước khi sáp nhập là nhiệm vụ trọng tâm nhằm giải quyết dứt điểm các chồng chéo, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và ổn định đời sống kinh tế - xã hội địa phương.



Sở Tư pháp thực hiện kiểm tra việc ban hành VBQPPL tại cấp xã

Thời gian qua, tỉnh Quảng Ngãi đã có nhiều văn bản chỉ đạo Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh về việc triển khai rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật sau sáp nhập tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; thành lập Tổ công tác của tỉnh về xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để xử lý văn bản do HĐND, UBND tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum trước đây ban hành; ban hành Kế hoạch xử lý các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND Quảng Ngãi hai tỉnh trước đây ban hành... Cụ thể, sau sáp nhập, tính đến ngày 01/7/2025, tổng số văn bản quy phạm pháp luật do HĐND

tỉnh, UBND tỉnh hai tỉnh ban hành còn hiệu lực qua rà soát tổng hợp là **1.143** văn bản (371 nghị quyết, 757 quyết định và 15 chỉ thị của UBND tỉnh). Với sự quyết liệt, chủ động, nỗ lực các sở, ban, ngành tỉnh đến nay đã hoàn thành xử lý **1.068** văn bản (trong đó có 217 văn bản chỉ có nội dung bãi bỏ, 35 văn bản cần giữ nguyên không yêu cầu xử lý, 32 văn bản được

tiếp tục áp dụng và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia); còn lại **75 văn bản** (09 nghị quyết, 66 quyết định) cần phải xử lý.

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên quá trình rà soát và xử lý văn bản quy phạm pháp luật ban hành trước khi sáp nhập còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc như:

Thứ nhất, quá trình rà soát, đề xuất hướng xử lý các văn bản chịu sự tác động của sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện; sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước có số lượng rất lớn nhưng thời hạn xử lý theo yêu cầu của Bộ Tư pháp phải

hoàn thành xử lý trước ngày 01 tháng 6 năm 2026 là quá gấp.

Thứ hai, nhiệm vụ rà soát, đề xuất xử lý là nhiệm vụ của các cơ quan đã tham mưu UBND tỉnh ban hành, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, nhiều sở, ban, ngành vẫn còn xem đó là trách nhiệm của Sở Tư pháp, nên việc phối hợp rà soát, đề xuất xử lý còn chưa được kịp thời, hiệu quả; kết quả rà soát, đề xuất xử lý của nhiều sở, ban, ngành thiếu thống nhất.

Thứ ba, việc rà soát, xử lý nhiều văn bản phụ thuộc vào việc xử lý văn bản có giá trị pháp lý cao hơn của các cơ quan Trung ương nên trong quá trình rà soát, đề xuất xử lý còn tình trạng phải chờ văn bản có giá trị pháp lý cao hơn được xử lý trước. Bên cạnh đó, theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*sửa đổi, bổ sung*) thì HĐND, UBND của đơn vị hành chính sau sắp xếp không sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND của đơn vị hành chính trước sắp xếp ban hành, điều này đã gây khó khăn không nhỏ trong việc xử lý các văn bản⁽¹⁾.

Thứ tư, nhiều chính sách, nội dung và nhiệm vụ chi ngân sách được giao tại các văn bản QPPL của Trung ương, địa phương phải triển khai thực hiện, tuy nhiên nguồn kinh phí không được bổ sung đầy đủ, chủ yếu triển khai thực hiện từ nguồn ngân sách của địa phương gây khó khăn cho việc cân đối ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Thứ năm, hệ thống văn bản QPPL chưa theo kịp thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong các lĩnh vực

mới (chuyển đổi số, kinh tế xanh) tính ổn định của hệ thống văn bản QPPL do trung ương ban hành chưa cao, dẫn đến cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu soạn thảo không nắm bắt kịp thời, trong khi đó những văn bản này là cơ sở để địa phương khi xây dựng, ban hành phải căn cứ áp dụng thực hiện.

Thứ sáu, đội ngũ làm công tác pháp chế còn mỏng, hầu hết các sở, ban, ngành đều bố trí công chức pháp chế kiêm nhiệm, chưa có công chức chuyên trách về pháp chế, làm cho chất lượng công tác xây dựng, rà soát và xử lý văn bản quy phạm pháp luật còn nhiều bất cập.

Từ những khó khăn, vướng mắc trên, trong thời gian đến để từng bước nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế trên địa bàn tỉnh cần các giải pháp sau:

Một là, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tiếp tục quán triệt, triển khai nghiêm túc, đầy đủ các nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và cơ quan cấp trên về việc rà soát, xử lý các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh hai tỉnh trước đây ban hành chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy thuộc phạm vi quản lý; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, hiệu quả và tiến độ thực hiện bám sát theo kế hoạch và các văn bản chỉ đạo của HĐND tỉnh, UBND tỉnh.

Hai là, các cơ quan, đơn vị và địa phương tập trung quán triệt đầy đủ, nghiêm túc ý nghĩa quan trọng của nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Trên cơ sở đó, bám sát Quyết định số 05/QĐ-BCĐ ngày 10/4/2026 của Ban Chỉ đạo tổng rà soát

⁽¹⁾ Điều 8 và điểm d khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.



Hội nghị tập huấn công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL

hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ban hành Kế hoạch triển khai tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 19/4/2026 của UBND tỉnh về thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để kịp thời chỉ đạo việc thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình, bảo đảm chất lượng và đúng thời gian.

Ba là, các sở, ban, ngành, địa phương chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc đề nghị các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các văn bản QPPL không còn phù hợp, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững trên địa bàn. Thực hiện có hiệu quả việc tiếp nhận và xử lý các thông tin báo chí, dư luận xã hội, cơ quan, tổ chức, người dân, doanh nghiệp phản ánh về văn bản trái pháp luật hoặc có mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không phù hợp thực tiễn để có phương án xử lý kịp thời.

Bốn là, siết chặt kỷ cương, kỷ luật, đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm người đứng đầu trong công tác xây dựng pháp luật, kiên quyết chống tiêu cực, “lợi ích nhóm” trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn; khắc phục tình trạng chậm ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật; đồng thời, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình xây dựng pháp luật.

Năm là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại, đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ đề ra; kịp thời kiện toàn tổ chức, bộ máy và biên chế làm công tác tư pháp và pháp chế ở địa phương; đồng thời, thường xuyên tổ chức các đợt tập huấn và hướng dẫn kỹ năng, nghiệp vụ cho công chức pháp chế các sở, ngành và công chức cấp xã làm công tác xây dựng văn bản QPPL để hoàn thành các nhiệm vụ được giao. □

Nguyễn Thị Hoa

Kết quả 05 năm

THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TẠI SỞ TƯ PHÁP QUẢNG NGÃI

Trong giai đoạn 2021 - 2026, thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị tại Quyết định số 23-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Bộ Chính trị và Quyết định số 396-QĐ/TU ngày 12/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Đảng ủy - Lãnh đạo Sở Tư pháp thường xuyên tổ chức quán triệt và chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, tăng cường đổi mới, sáng tạo đưa công tác dân vận đi vào chiều sâu và đạt được nhiều kết quả trên các lĩnh vực, cụ thể:

Đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý - Đưa chính sách pháp luật đến gần người dân

Một trong những dấu ấn đậm nét nhất trong 05 năm thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị là việc đổi mới, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Sở đã tham mưu Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh tổ chức thành công **08** cuộc thi tìm hiểu pháp luật quy mô lớn, thu hút hàng trăm nghìn lượt người tham gia. Điển hình như: Cuộc thi tìm hiểu pháp luật về định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến với **57.868** lượt, Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật và kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ với **85.233** lượt, hay Cuộc thi về tìm hiểu chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đang diễn ra, đã thu hút **106.081** lượt người tham gia; đồng thời, đã tham mưu tổ chức thành công **18** hội nghị cấp tỉnh triển khai văn bản luật mới và **05** hội nghị hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đặc biệt, trong giai đoạn chuẩn bị cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026

và 2026 - 2031, Sở đã chủ động tổ chức **04** hội nghị tập huấn, tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về bầu cử; biên soạn, cấp phát hàng nghìn tờ gấp pháp luật về cơ sở. Ngoài ra, từ ngày 01/7/2025 đến nay, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của các xã, phường, đặc khu trong việc tiếp cận quy định pháp luật mới khi thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền; Sở Tư pháp đã tăng cường tổ chức các hội nghị tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ và bồi dưỡng kiến thức pháp luật về các ngành, lĩnh vực. Theo đó, Sở đã tổ chức **20** lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về quyền con người, cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền..., góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ các địa phương kịp thời triển khai thực hiện và chấp hành tốt các quy định pháp luật trong giai đoạn đầu thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Bên cạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hoạt động trợ giúp pháp lý cũng được chỉ đạo tăng cường triển khai thực hiện với nhiều kết quả tích cực, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật. Trong 05 năm qua, hai Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thuộc Sở Tư pháp đã thực hiện

gần **3.000** vụ việc trợ giúp pháp lý về các lĩnh vực dân sự, hình sự, hôn nhân gia đình, hành chính, đất đai và một số lĩnh vực khác cho các đối tượng được trợ giúp pháp lý là người nghèo, người có công với cách mạng, người đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em, người già, người buộc tội thuộc hộ cận nghèo, người khuyết tật, người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi và một số đối tượng khác theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý; đồng thời, tổ chức **160** đợt truyền thông chuyên sâu tại cơ sở; tiến hành ký hợp đồng thực hiện sản xuất và phát sóng **14** phóng sự về các hoạt động trợ giúp pháp lý; biên soạn, phát hành 1.400 quyển sổ tay hỏi đáp pháp luật, hàng nghìn tờ gấp pháp luật. Nội dung tài liệu dễ hiểu, dễ nhớ, phù hợp với khả năng tiếp cận của đại bộ phận người dân và dễ dàng đưa pháp luật đến gần hơn với cuộc sống của người đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện tốt công tác dân vận trong hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính

Trong 05 năm qua, Đảng ủy - Lãnh đạo Sở Tư pháp kịp thời chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả công tác dân vận thông qua hoạt động tiếp công dân và tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị; qua đó, góp phần bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, giải quyết hài hòa lợi ích hợp pháp của người dân, hạn chế việc phát sinh khiếu nại, khiếu kiện đông người, vượt cấp, kéo dài, tạo niềm tin của người dân đối với chính quyền và sự lãnh đạo của Đảng. Cụ thể, đã tiếp **485** lượt công dân và tiếp nhận, xử lý **192** đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Nội dung chủ yếu là phản ánh, kiến nghị về việc chậm giải

quyết vụ việc của các cơ quan có thẩm quyền; yêu cầu tư vấn, hướng dẫn các quy định của pháp luật về đất đai, hộ tịch, dân sự, hôn nhân và gia đình, công chứng, chứng thực... Các trường hợp đơn thư thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở đều được tiếp nhận, thụ lý, giải quyết đảm bảo về trình tự, thủ tục và thời hạn, kết quả giải quyết, hợp tình, hợp lý, phù hợp thực tế và quy định pháp luật, không có tình trạng đơn thư tồn đọng, kéo dài, vượt cấp. Trong quá trình tiếp công dân, công chức của Sở luôn đề cao trách nhiệm, hướng dẫn tận tình; thông qua các buổi tiếp dân, đã lồng ghép tuyên truyền Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các văn bản pháp luật có liên quan đến vụ việc, vấn đề công dân yêu cầu, từng bước đưa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với người dân.

Song song đó, công tác tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho công dân, tổ chức luôn được công chức, viên chức của Sở thực hiện đúng quy định về văn hóa, chuẩn mực đạo đức trong giao tiếp khi thi hành công vụ, nhiệm vụ; không có trường hợp gây khó khăn, phiền hà cho người dân, tổ chức. Đối với hồ sơ thủ tục hành chính quá hạn, Sở Tư pháp đều ban hành thông báo xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả để người dân, tổ chức biết. Việc đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của công chức Sở Tư pháp làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh luôn ở mức “Hài lòng” và “Rất hài lòng” và không có trường hợp phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp.



*Hội nghị bầu Ban Thanh tra nhân dân
của Sở Tư pháp*

Đăng ký thực hiện và lan tỏa các mô hình “Dân vận khéo”

Giai đoạn 2021 - 2026, hưởng ứng thực hiện Phong trào thi đua “Dân vận khéo”; Sở Tư pháp đã thực hiện đăng ký xây dựng, nhân rộng và tiếp tục thực hiện nhiều mô hình “Dân vận khéo” gắn liền với nhiệm vụ chuyên môn như: “Câu lạc bộ pháp luật”; “Nâng cao hiệu quả hoạt động chứng thực trên địa bàn tỉnh nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của tổ chức và công dân”; “Nâng cao hiệu quả việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật thông qua công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo”; “Truyền thông về trợ giúp pháp lý”; “Cung cấp dịch vụ công trực tuyến thiết yếu, tuyên truyền, vận động người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp”; “Thực hiện dân vận khéo thông qua hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hòa giải ở cơ sở”. Việc triển khai các mô hình “Dân vận khéo” của Sở Tư pháp luôn gắn với nhiệm vụ chính trị, chuyên môn được giao và đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII về xây dựng Đảng. Tiêu biểu, năm 2023 mô hình “Nâng cao hiệu quả việc

tuyên truyền, phổ biến pháp luật thông qua công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo” của Sở đã được công nhận mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo và hiệu quả trong công tác dân vận cấp tỉnh tại Quyết định số 90-QĐ/BDVTU ngày 29/12/2023 của Ban Dân vận Tỉnh ủy; đồng thời, kết quả chấm điểm công tác dân vận chính quyền của Sở Tư pháp giai đoạn 2021 - 2025 đều liên tiếp được đánh giá, xếp loại “Xuất sắc”.

Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác dân vận trong thời gian tới

Phát huy những kết quả đạt được thời gian qua, trong giai đoạn tới, Sở Tư pháp tiếp tục đẩy mạnh thực hiện nghiêm túc các văn bản của Trung ương và của Tỉnh về công tác dân vận, trọng tâm là nâng cao chất lượng phong trào thi đua “Dân vận khéo” giai đoạn 2026 - 2030 gắn với nhân rộng, duy trì thực hiện hiệu quả các mô hình điểm trong lĩnh vực tư pháp. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, tăng cường tập huấn nâng cao năng lực cho các tổ hòa giải ở cơ sở, chú trọng trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng yếu thế theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 được sửa đổi, bổ sung năm 2026. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác tiếp công dân, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật 100% đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, không để xảy ra tình trạng tồn đọng, kéo dài, vượt cấp; kết hợp chặt chẽ việc tiếp dân với tuyên truyền, giải thích pháp luật để người dân hiểu, tin tưởng và chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần giảm các vụ việc khiếu nại, tố cáo, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. □

Trang Nguyễn

THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT TỰ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NGÃI



BỘ CHÍNH TRỊ
BỘ CHÍNH TRỊ
08-06-2026 14:58:23 +07:00

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2026

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Số 192-QĐ/TW

QUYẾT ĐỊNH

thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa XIV;

- Căn cứ Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương, Ban Nội chính Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng.

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Kien toan Ban Chi dao Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật và Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương thành Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật.

quyền địa phương. Các văn bản QPPL được ban hành về cơ bản đã đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật, đảm bảo tính khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, mang lại hiệu quả trong công tác quản lý ngành, lĩnh vực.

Triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp hiện nay, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

Trong thời gian qua, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) do chính quyền địa phương ban hành đã từng bước được hoàn thiện, góp phần quan trọng trong công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính, cải cách tư pháp, bảo đảm quốc phòng - an ninh (QPAN), phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Đặc biệt, thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; trên cơ sở chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã tăng cường quán triệt, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 66-NQ/TW; việc triển khai bước đầu đã tạo sự chuyển biến tích cực trong quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản QPPL của chính

đã ban hành các văn bản QPPL phân cấp cho các cơ quan chuyên môn, Chủ tịch UBND cấp xã, với phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”. Các văn bản liên quan đến cải cách hành chính, cải cách tư pháp; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng; phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), hòa giải ở cơ sở... cũng đã được ban hành và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả, tạo cơ sở pháp lý, đảm bảo quyền con người, quyền công dân cũng góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người và quyền công dân chú trọng ban hành các cơ chế hỗ trợ người yếu thế; trợ giúp pháp lý cho người nghèo; bảo vệ trẻ em; phòng chống bạo lực gia đình; bình đẳng giới; bảo vệ người tiêu dùng...

Quảng Ngãi là địa phương có tốc độ công nghiệp hóa tương đối nhanh, đặc biệt với vai trò trung tâm của Khu kinh

tế Dung Quất, Khu công nghiệp Quảng Ngãi, Khu Công nghiệp - Đô thị và Dịch vụ VSIP; Khu cửa khẩu Quốc tế Bờ Y... Do đó, hệ thống văn bản QPPL trong lĩnh vực kinh tế được địa phương đặc biệt quan tâm hoàn thiện, nhất là các chính sách thu hút đầu tư; giải phóng mặt bằng, hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi; phát triển cảng biển; phát triển năng lượng; hỗ trợ doanh nghiệp (DN) nhỏ và vừa; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; quản lý đầu tư công; phát triển hạ tầng giao thông... Trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch và xây dựng, nhiều văn bản được ban hành nhằm tăng cường quản lý nhà nước, hạn chế tình trạng lấn chiếm đất đai; quản lý trật tự xây dựng; nâng cao hiệu quả sử dụng đất, kiểm soát thị trường bất động sản... Các văn bản QPPL liên quan đến các chính sách xã hội của tỉnh được triển khai tương đối toàn diện trên các lĩnh vực: Giáo dục; y tế; lao động; việc làm; an sinh xã hội; giảm nghèo; bảo vệ trẻ em; chăm sóc người cao tuổi; bảo tồn văn hóa dân tộc; phát triển du lịch...

Toàn tỉnh có 65/96 xã thuộc vùng dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi nên các cơ chế, chính sách xã hội liên quan đến việc hỗ trợ, chăm lo đời sống cho người dân thuộc vùng DTTS và miền núi được quan tâm nên nhiều cơ chế hỗ trợ cho học sinh vùng khó khăn; đồng bào DTTS; hộ nghèo được ban hành. Các cơ chế, chính sách liên quan đến người có công, hỗ trợ cho người lao động mất việc làm; đối tượng bảo trợ xã hội, nhà ở xã hội, nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, quản lý trật tự xây dựng, chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng; hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị... cũng được tỉnh quan tâm, ban hành các văn bản để tổ chức triển khai thực hiện. Trong lĩnh vực

văn hóa, nhiều chính sách bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, di sản văn hóa, lễ hội truyền thống được ban hành và triển khai hiệu quả. Hệ thống văn bản QPPL liên quan đến các lĩnh vực khoa học công nghệ (KH-CN), đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã được ban hành, về cơ bản đã đáp ứng phần nào yêu cầu chuyển đổi số; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của cơ quan nhà nước; dữ liệu số; an toàn thông tin mạng. Đặc biệt, tỉnh đã ban hành các nghị quyết quy định các nội dung như mức chi thực hiện nhiệm vụ KH-CN, lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN) thực hiện nhiệm vụ KH-CN cấp tỉnh và cấp cơ sở; quy định nội dung và mức chi từ NSNN hỗ trợ để thực hiện hoạt động sáng kiến; quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030; các định mức kinh tế - kỹ thuật liên quan để tạo cơ sở pháp lý triển khai hoạt động KH-CN và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

Các lĩnh vực liên quan đến tài nguyên, môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu đã được tỉnh ban hành rất nhiều văn bản QPPL để triển khai thực hiện, đây cũng là nhóm lĩnh vực có hệ thống văn bản QPPL nhiều nhất trong số các lĩnh vực của hệ thống pháp luật. Về cơ bản, việc xây dựng, ban hành văn bản QPPL trong lĩnh vực này đã bảo đảm bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và định hướng phát triển của địa phương, góp phần tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đồng thời, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong công tác chỉ đạo, điều hành, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) tại địa phương. Song song với đó tỉnh đã ban hành chính sách liên

quan quản lý đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng; quản lý tài nguyên khoáng sản; phòng chống thiên tai; bảo vệ rừng; chính sách hỗ trợ để khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng; quy định lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trong trường hợp chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải, quản lý hoạt động cấp nước sạch; quy định tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý và chất thải nguy hại; phân công, phân cấp quản lý công viên, cây xanh...

Với đặc thù là tỉnh có đường biên giới chung với Lào, Campuchia; đồng thời, đặc khu Lý Sơn cũng là địa điểm có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm an ninh, chủ quyền quốc gia trên biển. Do đó, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực QPAN, đối ngoại là nhiệm vụ được ưu tiên hàng đầu. Các văn bản QPPL về QPAN tập trung vào: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân; bảo vệ an ninh quốc gia; phòng chống tội phạm; bảo đảm trật tự an toàn xã hội; phòng chống ma túy; an ninh mạng; phòng chống khủng bố; bảo vệ bí mật nhà nước... Tỉnh cũng ban hành nhiều nghị quyết liên quan đến việc chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế; mức chi bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh, qua đó đã tạo cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế trên địa bàn tỉnh.

Mặc dù, hệ thống văn bản QPPL về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu phát triển KT-XH nhưng việc ban hành văn bản QPPL cũng gặp nhiều khó khăn, hạn chế như: Việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng đôi lúc còn chưa kịp thời, việc ban hành các văn bản quy định chi

tiết các nội dung giao cho chính quyền địa phương quy định chi tiết còn chưa đầy đủ, nhiều lúc còn chưa kịp thời. Hầu hết các sở, ban, ngành đều bố trí công chức pháp chế kiêm nhiệm, chưa có công chức chuyên trách về pháp chế, khối lượng công việc cho mỗi cán bộ, công chức là khá nhiều, đặc biệt là sau khi thực hiện chủ trương xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, dẫn đến số lượng văn bản QPPL chịu sự tác động của việc tổ chức, sắp xếp bộ máy cần xử lý là rất lớn. Do đó, khi tổ chức soạn thảo, một số trường hợp chưa nghiên cứu kỹ về trình tự, thủ tục soạn thảo dẫn đến hồ sơ gửi thẩm định, thẩm tra chưa đảm bảo theo đúng quy định.

Nguyên nhân là số lượng văn bản phải sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ do tác động của việc sắp xếp, tổ chức bộ máy rất lớn, tính ổn định của hệ thống văn bản QPPL do trung ương ban hành chưa cao, dẫn đến cơ quan tham mưu soạn thảo chưa nắm bắt kịp thời, những văn bản này là cơ sở để địa phương khi xây dựng, ban hành phải căn cứ áp dụng thực hiện. Trong công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện xây dựng văn bản QPPL tại một số sở, ngành, địa phương chưa được toàn diện. Tính kỷ luật, kỷ cương trong việc tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng các dự thảo nghị quyết, quyết định chưa được một số sở, ngành tuân thủ và thực hiện nghiêm túc.

Hiện Quảng Ngãi đang đứng trước nhiều cơ hội và thách thức mới: Phát triển công nghiệp nặng; phát triển kinh tế biển; chuyển đổi số; hội nhập quốc tế; phát triển năng lượng tái tạo; đô thị hóa; cải cách hành chính; cải cách tư pháp; giữ vững an ninh, chính trị nội bộ và quốc tế; cùng với đó là sự phát triển nhanh của Khu kinh tế Dung Quất; các khu công nghiệp (VSIP, Quảng Ngãi); các

hoạt động thương mại điện tử, logistics; nền kinh tế số từ đó cũng đặt ra các yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện hệ thống pháp luật địa phương theo hướng: Hiện đại; minh bạch; ổn định; đồng bộ; thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Bên cạnh đó, tình hình tranh chấp đất đai; tội phạm công nghệ cao; ô nhiễm môi trường; khiếu kiện hành chính; thiên tai và biến đổi khí hậu đang đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Cơ bản hoàn thiện hệ thống pháp luật tinh gọn, hiện đại, không còn tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo, xử lý các tồn tại, hạn chế kéo dài liên quan đến các chính sách đất đai, đầu tư, tạo điều kiện khơi thông nguồn lực, phát triển KT-XH. Hệ thống văn bản QPPL của tỉnh từng bước hoàn thiện không còn là yếu tố “điểm nghẽn”, bước đầu chuyển thành thể mạnh, tạo đà cho các hoạt động KT-XH ở địa phương phát triển vượt bậc. Từng bước nâng cao chất lượng KHCN và đổi mới sáng tạo, ứng dụng CNTT trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, xây dựng được hệ thống cơ sở pháp luật đầy đủ, phổ biến và dễ tiếp cận, đảm bảo xây dựng được nền hành chính hiện đại, phục vụ tốt người dân và doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên mới.

Trong thời gian tới, tỉnh sẽ tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm trong quản lý nhà nước và phát triển địa phương theo đúng tinh thần tại Nghị quyết số 66-NQ/TW; phát huy vai trò giám sát của HĐND, MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đối với công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. Mở rộng cơ chế giám sát, phản biện xã hội của Nhân dân; khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia góp ý, phản ánh những bất cập trong thực thi pháp luật.

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác pháp chế, công tác tư pháp của địa phương, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong kỷ nguyên mới. Tăng cường bố trí nguồn tài chính đảm bảo tạo đột phá trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật; đầu tư cho hạ tầng số; ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo; hoàn thiện cơ sở dữ liệu pháp luật; tăng cường hợp tác quốc tế về pháp luật...

Đặc biệt, tỉnh sẽ tiếp tục kế thừa các quy định còn phù hợp, phát huy hiệu quả trong thực tiễn quản lý nhà nước tại địa phương; đồng thời, rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản QPPL liên quan đến cải cách hành chính, chuyển đổi số, quản lý đất đai, đầu tư, môi trường, an sinh xã hội và phát triển kinh tế nông thôn. Đổi mới công tác phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL) theo hướng ứng dụng mạnh mẽ CNTT, đa dạng hóa hình thức truyền thông chính sách và pháp luật phù hợp với từng nhóm đối tượng. Thường xuyên công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL để xử lý kịp thời các văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp thực tiễn. Nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, đối thoại, tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về những khó khăn, vướng mắc trong thực thi pháp luật và giải quyết thủ tục hành chính. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm hành chính, tiêu cực, nhũng nhiễu, lợi ích nhóm trong thực thi công vụ; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận các dịch vụ hành chính công. □

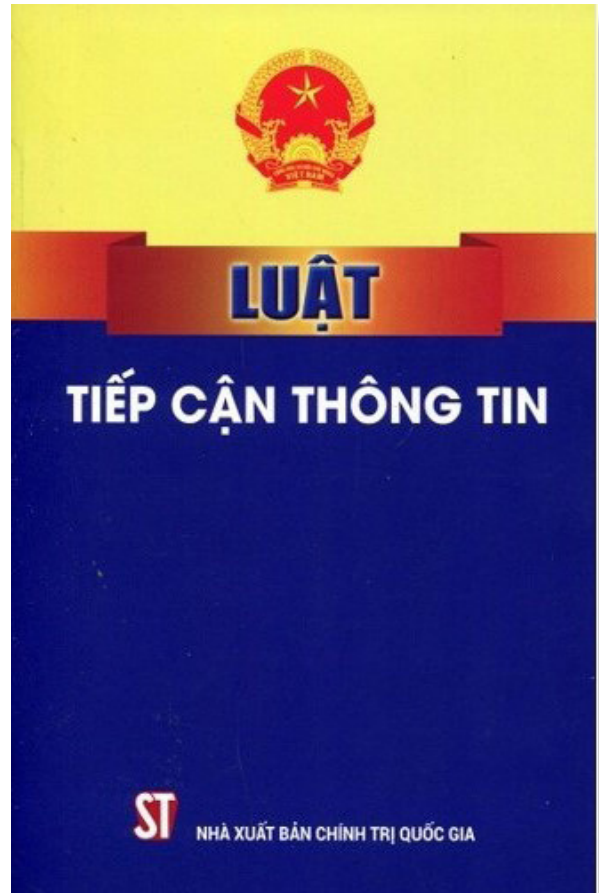
Luật gia Phạm Văn Chung

Một số điểm mới của Luật Tiếp cận thông tin sửa đổi năm 2026

Thực hiện các chủ trương của Đảng về hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong hoạt động của cơ quan nhà nước và đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia; ngày 23/4/2026, tại Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI đã thông qua Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16, Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2026, thay thế Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13. Việc ban hành Luật góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân - là quyền Hiến định, từ đó nâng cao tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; đồng thời, thúc đẩy cung cấp, tiếp cận thông tin trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia và xây dựng nền hành chính hiện đại. Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 tập trung sửa đổi, bổ sung một số nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, mở rộng phạm vi điều chỉnh

Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 (Luật năm 2026) mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu. Việc mở rộng phạm vi điều chỉnh này xuất phát từ vị trí, vai trò đặc thù của các đơn vị sự nghiệp công lập trong việc cung cấp các dịch vụ thiết yếu phục vụ nhu cầu cơ bản của người dân. Theo quy định của



pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập và ngân sách nhà nước, đây là các dịch vụ do Nhà nước bảo đảm cung cấp, gắn trực tiếp với việc thực hiện các quyền cơ bản của người dân; đồng thời, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập xác định Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, nâng cao khả năng tiếp cận và chất lượng dịch

vụ cho mọi tầng lớp Nhân dân. Việc mở rộng đối tượng này góp phần tăng cường tính công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân đối với các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân.

Luật không mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với các tổ chức khác có sử dụng ngân sách nhà nước hoặc tài sản nhà nước như các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoặc doanh nghiệp nhà nước. Việc công khai, minh bạch thông tin của các chủ thể này đã được điều chỉnh bởi các quy định pháp luật chuyên ngành tương ứng. Cách tiếp cận này cũng phù hợp với xu hướng chung của nhiều quốc gia, theo đó nghĩa vụ cung cấp thông tin chủ yếu được đặt ra đối với các cơ quan nhà nước và các tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công.

Thứ hai, bổ sung, làm rõ các khái niệm “thông tin do cơ quan, đơn vị tạo ra” và “thông tin do cơ quan, đơn vị nắm giữ”

“Thông tin” được hiểu là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan, đơn vị **tạo ra hoặc nắm giữ**. Thông tin do cơ quan, đơn vị tạo ra là thông tin được tạo ra trong quá trình cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, được người có thẩm quyền của cơ quan, đơn vị đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản; Thông tin do cơ quan, đơn vị

nắm giữ là thông tin do cơ quan, đơn vị nhận được trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Việc phân biệt 02 khái niệm này làm cơ sở để xác định phạm vi thông tin mà cơ quan, đơn vị phải công khai, cung cấp theo yêu cầu cho công dân. Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra (trừ trường hợp quy định tại Điều 15 của Luật về thông tin công dân không được tiếp cận; đối với thông tin quy định tại Điều 16 Luật này thì cung cấp thông tin khi có đủ điều kiện theo quy định). Bên cạnh đó, các cơ quan, đơn vị cũng có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình nắm giữ trong trường hợp việc cung cấp thông tin là cần thiết để bảo vệ lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng (khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 17, khoản 4 Điều 23 của Luật).

Bên cạnh đối tượng là người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì Luật năm 2026 bổ sung đối tượng là người dân tộc thiểu số được Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Bổ sung nguyên tắc **đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tăng cường cung cấp thông tin trên môi trường số**.

Thứ ba, điều chỉnh phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin của UBND cấp xã

Theo đó, UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra, không cung cấp thông tin do mình nhận được từ cơ quan khác (trừ một số trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 17 và khoản 4 Điều 23 của Luật) nhằm bảo đảm tính hợp lý, khả thi trong bối cảnh mở rộng chức



Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 được phổ biến, quán triệt trong hội nghị tập huấn cho đội ngũ Báo cáo viên pháp luật, Tuyên truyền viên pháp luật

năng, nhiệm vụ của chính quyền cấp xã; đồng thời, Luật quy định UBND cấp tỉnh, cấp xã chủ động xác định đầu mối cung cấp thông tin (điểm đ và điểm e khoản 2 Điều 10), bảo đảm phù hợp với nguyên tắc phân quyền, phân cấp và tính linh hoạt, chủ động trong quản lý, điều hành của UBND các cấp. Quy định này cũng phù hợp với thực tiễn triển khai thi hành việc cung cấp thông tin tại chính quyền địa phương các cấp hiện nay.

Bổ sung quy định về tiếp cận một phần hồ sơ, tài liệu có chứa cả thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin công dân được tiếp cận và *các phần thông tin có thể được phân tách hợp lý, các cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định cung cấp một phần hồ sơ, tài liệu chứa thông tin công dân được tiếp cận (khoản 4 Điều 10)*. Quy định này góp phần bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân đối với những thông tin mà pháp luật cho phép tiếp cận (thay

vì từ chối toàn bộ hồ sơ, tài liệu), đồng thời vẫn bảo đảm yêu cầu bảo vệ các thông tin thuộc diện không được tiếp cận hoặc hạn chế tiếp cận theo quy định của pháp luật.

Luật bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan, đơn vị tạo điều kiện và khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào việc xây dựng hệ thống thông tin công cộng; nâng cấp, đầu tư các trang thiết bị chuyên dùng phục vụ cho hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan, đơn vị ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật liên quan. Quy định này có ý nghĩa thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong hoạt động cung cấp thông tin; đồng thời, khuyến khích huy động nguồn lực xã hội tham gia xây dựng hệ thống thông tin công cộng. Bên cạnh đó, việc đầu tư, nâng cấp trang

thiết bị phục vụ cung cấp thông tin tại khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn góp phần tạo điều kiện để mọi công dân được tiếp cận thông tin một cách bình đẳng, thuận lợi và hiệu quả.

Thứ tư, sửa đổi về phạm vi thông tin được tiếp cận và thông tin phải được công khai

Luật năm 2026 sửa đổi các quy định về phạm vi thông tin công dân không được tiếp cận và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (các Điều 15, 16) để bảo đảm cụ thể, đầy đủ, rõ ràng hơn và thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật có liên quan. Việc tiếp cận thông tin thuộc dữ liệu cá nhân thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Việc tiếp cận có điều kiện đối với tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, dữ liệu cá nhân, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh trong trường hợp cần thiết vì lợi ích cộng đồng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý.

Luật sửa đổi, bổ sung các thông tin phải được công khai (Điều 17) để mở rộng các thông tin công dân được tự do tiếp cận rộng rãi, đồng thời bảo đảm đồng bộ với các luật chuyên ngành trong các lĩnh vực (như y tế, giáo dục, văn hóa, an toàn thực phẩm, môi trường, tài chính, đất đai, xây dựng...), tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận các thông tin liên quan mật thiết đến đời

sống, sản xuất, kinh doanh, lợi ích cộng đồng, sức khỏe của cộng đồng. Đây là một trong những điểm mới quan trọng của Luật nhằm tăng cường trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc chủ động công khai thông tin, giúp người dân, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin mà không phải thực hiện thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong nhiều trường hợp.

Thứ năm, bổ sung một số hình thức công khai thông tin

Luật bổ sung một số hình thức công khai thông tin trên nền tảng số như đăng tải trên cổng dữ liệu, các kênh thông tin, trang cộng đồng chính thức của cơ quan, đơn vị, phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và nhu cầu tiếp cận thông tin ngày càng tăng của người dân trên môi trường mạng.

Trường hợp pháp luật chuyên ngành đã có quy định về hình thức công khai thông tin đối với thông tin cụ thể thì cơ quan, đơn vị áp dụng quy định đó. Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể hình thức công khai thì căn cứ điều kiện, khả năng thực tế, cơ quan, đơn vị lựa chọn một hoặc một số hình thức công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật, bảo đảm công dân tiếp cận được thông tin. Đối với người khuyết tật, người dân tộc thiểu số và người sinh sống tại các địa bàn khó khăn, cơ quan, đơn vị xác định hình thức công khai thông tin phù hợp với khả năng, điều kiện tiếp cận thông tin của công dân.

Luật đồng thời quy định cơ quan, đơn vị *phải công khai trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị* mình các thông tin *phải được công khai* theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật và các thông

tin khác theo quy định của pháp luật. Căn cứ điều kiện thực tế, cơ quan, đơn vị công khai các thông tin do mình tạo ra hoặc nắm giữ trên cổng dữ liệu, các kênh nội dung, trang cộng đồng chính thức. Trường hợp chưa có cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, cổng dữ liệu, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm công khai thông tin trên các kênh nội dung, trang cộng đồng chính thức hoặc bằng hình thức thích hợp khác.

Thứ sáu, sửa đổi, bổ sung quy định về cung cấp thông tin theo yêu cầu

Luật bổ sung quy định người yêu cầu cung cấp thông tin tại trụ sở cơ quan, đơn vị được sử dụng điện thoại di động và các phương tiện kỹ thuật khác của cá nhân để sao, chụp, tải về văn bản, hồ sơ, tài liệu, trừ trường hợp pháp luật có liên quan quy định khác. Quy định này phù hợp với điều kiện kỹ thuật hiện nay, giúp người dân tiết kiệm chi phí sao chụp, thời gian đi lại và tăng khả năng tiếp cận thông tin của công dân.

Quy định rõ cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu, hướng dẫn người dân thực hiện đúng thủ tục, hỗ trợ người gặp khó khăn trong tiếp cận thông tin; thực hiện cung cấp thông tin hoặc từ chối cung cấp thông tin bằng văn bản (nêu rõ lý do từ chối theo Điều 27 của Luật). Về thời hạn giải quyết, Luật quy định tùy từng trường hợp cụ thể, thời hạn cung cấp thông tin chậm nhất là **12** ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu cung cấp thông tin hợp lệ; trường hợp gia hạn thì tối đa không quá **12** ngày và phải có văn bản thông báo về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin.

Luật quy định công dân được cung cấp thông tin không phải trả phí, lệ phí, trừ trường hợp pháp luật có liên quan quy định khác. Người yêu cầu cung cấp

thông tin có trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin. Tuy nhiên, Luật cũng quy định 02 trường hợp không phải trả chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin, bao gồm: trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin trong thời hạn công khai nhưng chưa được công khai hoặc thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được.

Luật sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác, không đầy đủ, bảo đảm bao quát các trường hợp có thể xảy ra trên thực tế, tăng cường trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong kịp thời xử lý để cung cấp lại thông tin chính xác, cung cấp bổ sung thông tin thiếu.

Ngoài ra, Luật 2026 bổ sung một số hành vi bị nghiêm cấm nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số (*ng nghiêm cấm phát tán, mua bán trái pháp luật hoặc cố ý làm lộ thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, dữ liệu cá nhân, bí mật gia đình; lợi dụng việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc gây cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức*); bổ sung quy định về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin đối với người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và người dưới 18 tuổi; bổ sung quy định cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình nắm giữ trong **trường hợp việc cung cấp thông tin là cần thiết** để bảo vệ lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng.□

Thanh Ngọc

Quy định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại và cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030

Nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng và phát huy những kết quả đạt được từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM) qua các giai đoạn trước, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, ngày 28/4/2026, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 19/2026/QĐ-TTg quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại và tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây gọi tắt là *Quyết định số 19/2026/QĐ-TTg*).

Việc Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 19/2026/QĐ-TTg tạo cơ sở pháp lý thống nhất để các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2026 - 2030; bảo đảm việc xét, công nhận, công bố kết quả thực hiện được tiến hành công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan và đúng quy định. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Quyết định số 19/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ áp dụng đối với các xã; các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là cấp tỉnh) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc

gia xây dựng NTM, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035; đồng thời, áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện.

Một trong những nội dung trọng tâm của Quyết định số 19/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là quy định cụ thể điều kiện công nhận xã đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM hiện đại và cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2026 - 2030. Đây là căn cứ quan trọng để các địa phương tổ chức triển khai, đánh giá và công nhận kết quả thực hiện theo hướng thống nhất, thực chất và bền vững. Cụ thể:

Về điều kiện công nhận xã đạt chuẩn NTM: Theo Quyết định số 19/2026/QĐ-TTg, xã được công nhận đạt chuẩn NTM khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Thứ nhất, đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg. Trường hợp đặc thù xã thuộc phạm vi quy hoạch khu chức năng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định tổ chức thực hiện và áp dụng các yêu cầu đối với tiêu chí về quy hoạch, hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển kinh tế nông thôn, bảo đảm phù hợp với thực tiễn;

XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI



Nguồn Internet

Thứ hai, sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã về kết quả xây dựng NTM đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam.

Về điều kiện công nhận xã đạt chuẩn NTM hiện đại: Xã được công nhận đạt chuẩn NTM hiện đại khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Thứ nhất, đáp ứng đầy đủ mức đạt theo Quy định khung thí điểm xây dựng xã NTM hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg;

Thứ hai, sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã về kết quả xây dựng NTM hiện đại đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam.

Về điều kiện công nhận cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM: Cấp tỉnh được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Thứ nhất, đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo Quy định cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai

đoạn 2026 - 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg;

Thứ hai, sự hài lòng của người dân trên địa bàn các xã thuộc cấp tỉnh về kết quả xây dựng NTM của địa phương đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam.

Như vậy, Quyết định số 19/2026/QĐ-TTg ngày 28/4/2026 của Thủ tướng đã quy định cụ thể, thống nhất các điều kiện xét công nhận xã đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM hiện đại và cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2026 - 2030; đồng thời, đề cao vai trò của người dân trong đánh giá kết quả xây dựng NTM thông qua tiêu chí về mức độ hài lòng. Quy định này góp phần bảo đảm việc xét công nhận các danh hiệu NTM được thực hiện công khai, minh bạch, khách quan và thực chất; qua đó nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, thúc đẩy phát triển nông thôn toàn diện, bền vững trong giai đoạn mới.□

Lệ Quỳnh

Nên cho phép người dân

ĐƯỢC CAM KẾT KHI THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Có thể khẳng định hiện nay việc giải quyết các thủ tục hành chính (TTHC) cho người dân, doanh nghiệp đã được cải thiện, thuận tiện rất nhiều. Cùng với việc cắt giảm, đơn giản hóa thì việc thực hiện TTHC trên môi trường điện tử đã tiết kiệm được rất nhiều thời gian, chi phí cho người dân, hạn chế tối đa tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực trong việc nộp hồ sơ, thụ lý, giải quyết TTHC. Tuy nhiên, hiện vẫn còn nhiều hồ sơ tồn đọng, vướng mắc của người dân, doanh nghiệp kéo dài nhưng chưa thể, thậm chí không thể giải quyết được! Nguyên nhân chủ yếu là do lịch sử để lại, phức tạp, nhất là tình trạng mất giấy tờ gốc, không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc hoặc các giấy tờ đó không đúng thể thức, người cấp không đúng thẩm quyền như chỉ là biên bản giao, bản giấy viết tay... Tình trạng này xảy ra nhiều nhất là trong lĩnh vực đất đai, lĩnh vực liên quan đến giải quyết chế độ, chính sách, nhân thân...



Sở Tư pháp tổ chức Hội nghị tập huấn tuyên truyền pháp luật về CCHC tại xã Bồ Y

Lỗi trên thuộc về cả hai phía, đối với người dân đó là làm mất hồ sơ, giấy tờ gốc đã được cấp cơ quan có thẩm quyền cấp; từ phía cơ quan chức năng là không cấp giấy tờ cho người dân hoặc không còn lưu hồ sơ, sổ sách gốc, cấp không đúng thẩm quyền, hình thức không phù hợp quy định pháp luật... Do không còn hồ sơ, giấy tờ, nhất là các loại giấy tờ bản gốc nên người dân không thể yêu cầu cơ quan chức năng giải quyết các TTHC liên quan để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình. Bởi vì, trong nhiều TTHC yêu cầu phải có giấy tờ gốc hoặc giấy tờ hợp pháp được đúng thẩm quyền, tuy nhiên nhiều người lại để thất lạc hoặc

không có các giấy tờ này khi giải quyết TTHC.

Trong thực tế có nhiều vụ việc liên quan đến hồ sơ đất đai trước đây hàng chục năm chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bán giấy tay và qua nhiều chủ sử dụng các chủ sử dụng đều làm chứng sự việc có thật nhưng khi đi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất “sổ đỏ” lại không được, vì không có giấy tờ hợp pháp chứng minh nguồn gốc đất. Thực tế ở tỉnh Quảng Ngãi đã xảy ra trường hợp cùng được bệnh viện cấp đất nhưng người thì làm được sổ đỏ, người thì không được do mất giấy tờ gốc hoặc sang tay nhiều người dẫn đến thất lạc giấy tờ...

(Xem tiếp trang 32)

QUY ĐỊNH MỚI VỀ CÔNG CHỨNG

áp dụng từ ngày 01/01/2027

Ngày 23/4/2026, Quốc hội khóa XVI đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2027 với nhiều quy định mới về công chứng, cụ thể:

Thứ nhất, 06 thủ tục không cần công chứng bắt buộc

Luật sửa đổi quy định giao dịch phải công chứng là giao dịch quan trọng, đòi hỏi điều kiện tham gia giao dịch chặt chẽ, mức độ an toàn pháp lý cao và được luật quy định phải công chứng. Theo đó, phạm vi các giao dịch phải công chứng sẽ được thu hẹp. So với hiện hành, sẽ có 06 loại giao dịch không còn bắt buộc công chứng gồm: (1) Văn bản ủy quyền của người đã xuất cảnh cho người khác đứng tên mua nhà ở thuộc tài sản công; (2) Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản; (3) Văn bản thỏa thuận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của các đồng sở hữu; (4) Văn bản ủy quyền giải quyết thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án đã xuất cảnh; (5) Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại; (6) Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng thừa phát lại.

Thứ hai, được dùng bản sao đối với một số giấy tờ

Luật sửa đổi quy định một số trường hợp cho phép sử dụng bản sao thay cho bản chính giấy tờ khi yêu cầu công chứng, gồm: giấy tờ tùy thân (Căn cước công dân, Căn cước, hộ chiếu); giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản; bản án, quyết định của tòa án... Trường hợp đã có dữ liệu về các thông tin trong thành phần hồ sơ yêu cầu công chứng (đủ điều kiện khai thác) thì người yêu cầu công chứng không phải cung cấp giấy tờ có chứa thông tin này mà có thể tự khai thác để cung cấp cho công chứng viên hoặc đề nghị công chứng viên khai thác dữ liệu

(nộp phí khai thác theo quy định). Công chứng viên chỉ được yêu cầu bổ sung giấy tờ nếu không khai thác được hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác.

Thứ ba, không cần nộp bản chính khi công chứng từ chối di sản

Trường hợp công chứng văn bản từ chối nhận di sản, người yêu cầu công chứng không phải xuất trình bản chính các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản; bản án, quyết định của tòa án, hoặc quyết định khác về việc xử lý tài sản. Khi công chứng, vấn đề quan trọng nhất là người từ chối nhận di sản chứng minh được họ là người thừa kế. Việc từ chối nhận di sản là quyền của người thừa kế (trừ trường hợp từ chối để trốn tránh thực hiện nghĩa vụ). Việc này về cơ bản không gây thiệt hại đến quyền của người thừa kế khác. Mặt khác, với trường hợp ở xa, nhất là sinh sống tại nước ngoài, việc cung cấp bản chính các giấy tờ chứng minh quyền tài sản của người để lại di sản là rất khó khăn. Do đó, quy định mới sẽ tạo thuận lợi cho người yêu cầu công chứng, không gây thiệt hại cho các chủ thể khác.

Thứ tư, bỏ thông tin nguồn gốc tài sản

Thông tin về nguồn gốc tài sản không quan trọng đối với việc xem xét và giải quyết yêu cầu công chứng. Bởi lẽ, công chứng viên chỉ cần xác định tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ai và tại thời điểm công chứng thì có bị hạn chế hay ngăn chặn thực hiện giao dịch không. Do vậy, việc bỏ thông tin về nguồn gốc tài sản vừa không ảnh hưởng đến tính toàn diện



**LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
MỘT SỐ ĐIỀU CỦA
LUẬT CÔNG CHỨNG
HIỆU LỰC TỪ
01/01/2027**

NHỮNG LOẠI GIAO DỊCH NÀO KHÔNG BẮT BUỘC PHẢI CÔNG CHỨNG?

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng,
có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2027



6 LOẠI GIAO DỊCH KHÔNG BẮT BUỘC PHẢI CÔNG CHỨNG

1



Giao dịch về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
(bao gồm mua bán, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất...).

2



Giao dịch về tài sản động sản là phương tiện đi lại
(ô tô, xe máy, tàu thuyền...).

3



Giao dịch về tài sản là động sản khác
(ngoài phương tiện đi lại).

4



Giao dịch về quyền tài sản.

5



Giao dịch về thừa kế.

6



Giao dịch về tặng cho.

 Lưu ý: Việc không công chứng không đồng nghĩa với việc không phải đăng ký (nếu pháp luật có quy định) và các bên vẫn phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hiệu lực của giao dịch.

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2027.



LƯU Ý QUAN TRỌNG

- ✓ Các giao dịch trên đây **KHÔNG BẮT BUỘC** phải công chứng.
- ✓ Các bên có thể tự nguyện yêu cầu công chứng nếu có nhu cầu để đảm bảo an toàn pháp lý.
- ✓ Việc chứng thực chữ ký trong các giao dịch trên vẫn được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng thực.
- ✓ Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2027.





CHỦ ĐỘNG HIỂU LUẬT – GIAO DỊCH AN TOÀN – BẢO VỆ QUYỀN LỢI CHÍNH ĐÁNG

Hiểu đúng luật – Thực hiện đúng quy định – An tâm mọi giao dịch!



của dữ liệu công chứng vừa giúp giảm tải gánh nặng cho cơ sở dữ liệu. Luật sửa đổi còn quy định rõ trách nhiệm của UBND cấp tỉnh trong việc chỉ đạo quản lý, khai thác, sử dụng cũng như bảo đảm kết nối, tích hợp các dữ liệu công chứng của địa phương với cơ sở dữ liệu công chứng được xây dựng theo quy định của luật.

Thứ năm, chuyển giao thẩm quyền chứng thực của chủ tịch xã

Luật sửa đổi quy định UBND cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, quyết định chuyển giao thẩm quyền chứng thực của chủ tịch UBND cấp xã cho tổ chức hành nghề công chứng để thực hiện công chứng giao dịch tại những địa bàn cấp xã đã phát

triển được tổ chức hành nghề công chứng đáp ứng yêu cầu. Quy định này vừa bảo đảm quyền tự quyết, tự chịu trách nhiệm của địa phương, vừa phù hợp với định hướng đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động công chứng, giảm gánh nặng cho cơ quan hành chính cấp xã.

Ngoài ra, Luật sửa đổi còn quy định Chủ tịch UBND cấp tỉnh nơi công chứng viên đang hành nghề có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, bổ nhiệm lại công chứng viên. Việc này nhằm tạo điều kiện cho người dân trong việc thực hiện quyền của mình mà không gây khó khăn liên quan đến nơi cư trú. □

Trung Hiếu

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TRONG THỜI GIAN TỚI

Ngày 22/5/2026, Văn phòng Trung ương Đảng đã ban hành Thông báo số 64-TB/TW thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc với một số cơ quan về tình hình triển khai Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 24/5/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới và định hướng phát triển nhà ở trong thời gian tới. Theo Thông báo, bên cạnh những kết quả đạt được khi triển khai thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW của Ban Bí thư như việc nỗ lực hoàn thiện thể chế, chính sách, đơn giản hóa thủ tục đầu tư, xây dựng, mở rộng đối tượng thụ hưởng và bảo đảm tiến độ Đề án xây dựng ít nhất 01 triệu căn nhà ở xã hội theo kế hoạch đề ra; đã cơ bản hình thành hệ thống cung ứng nhà ở chủ yếu dựa trên cơ chế thị trường, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy phát triển nhà ở, góp phần thay đổi diện mạo đô thị, cải thiện điều kiện sống của Nhân dân và thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế có liên quan; thông báo kết luận nêu một số hạn chế, bất cập trong công tác phát triển nhà ở xã hội nói riêng và nhà ở nói chung như: (1) Phân khúc nhà ở phù hợp với khả năng chi trả của người có thu nhập trung bình, thu nhập thấp chưa được quan tâm đúng mức. (2) Nguồn cung nhà ở xã hội còn thiếu, phân bổ chưa hợp lý; nhiều dự án thiếu kết nối với các hạ tầng xã hội thiết yếu; (3) quy hoạch quỹ đất cho nhà ở xã hội thiếu đồng bộ, thiếu gắn kết với

khu vực tập trung nhiều người lao động. (4) Các doanh nghiệp thiếu động lực tham gia vào phân khúc nhà ở xã hội, nhà ở có giá phù hợp; cơ cấu sản phẩm nhà ở còn thiên về sở hữu, trong khi nhu cầu thuê nhà ở với giá hợp lý của người lao động là rất lớn.

Trước tình hình đó, tại Thông báo kết luận đã nêu ý kiến kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước về định hướng phát triển nhà ở xã hội nói riêng và nhà ở nói chung trong thời gian tới như sau:

Một là, quán triệt quan điểm quyền có nơi ở hợp pháp là quyền cơ bản của công dân (*khoản 1 Điều 22 Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): “Công dân có quyền có nơi ở hợp pháp”*), tiếp cận nhà ở an toàn, phù hợp với khả năng chi trả là thước đo của tiến bộ xã hội, tạo nền tảng phát triển xã hội ổn định, bền vững, nâng cao niềm tin của người dân; định hướng phát triển nhà ở là nội dung quan trọng trong chiến lược, quy hoạch phát triển đô thị, nông thôn, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, an ninh đô thị, an ninh nông thôn, nâng cao năng suất lao động và bảo đảm sự phát triển lành mạnh của thị trường bất động sản. Nhà nước có chính sách phát triển nhà ở để hướng tới mục tiêu mọi người đều có chỗ ở (*khoản 3, Điều 59 Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): “Nhà nước có chính sách phát triển nhà ở, tạo điều kiện để mọi người có chỗ ở”*).

Hai là, phát triển nhà ở trong giai đoạn tới theo cơ chế thị trường có sự định

hướng, quản lý hiệu quả của Nhà nước; Nhà nước không bao cấp về nhà ở, nhưng cũng không hoàn toàn để thị trường tự điều tiết. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo thông qua xây dựng thể chế, chính sách, quy hoạch để thị trường phát triển lành mạnh, minh bạch, doanh nghiệp tham gia xây dựng, vận hành với lợi nhuận hợp lý và người dân được tiếp cận chỗ ở ổn định, an toàn, phù hợp với khả năng chi trả.

Ba là, bên cạnh nhà ở để bán, cần ưu tiên phát triển nhà ở cho thuê, nhất là mô hình chung cư cho thuê tại các đô thị lớn, khu công nghiệp, khu kinh tế, vùng động lực và các hành lang kinh tế quan trọng. Phát triển nhà ở phải đặt trong mối liên hệ hoàn thiện đồng bộ thể chế, chính sách, mang tính chất liên ngành, liên cấp, liên vùng, gắn với quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển khu công nghiệp, giao thông công cộng, thị trường lao động và quản lý dân cư.

Rà soát việc phân nhóm nhà ở hiện nay, nghiên cứu định hướng phân loại

phát triển nhà ở theo 4 nhóm (nhà ở thương mại, nhà ở cho thuê, nhà ở công vụ, nhà ở chính sách) để xác định các cơ chế, chính sách tương ứng, trong đó có chính sách Nhà nước hỗ trợ giá, cung cấp nhà ở miễn phí cho một số đối tượng nhất định.

Bốn là, đề nghị Đảng ủy Chính phủ chỉ đạo: **(1)** Nghiên cứu xây dựng chính sách đất đai, tín dụng... phù hợp để phát triển nhanh thị trường nhà ở cho thuê với giá hợp lý, khuyến khích thu hút khu vực tư nhân tham gia. **(2)** Khẩn trương xác định quy chuẩn, tiêu chuẩn từng nhóm nhà ở theo mô hình mới; đơn giản hóa thủ tục phát triển nhà ở theo cơ chế một cửa, một đầu mối, một quy trình chuẩn. Các thủ tục về đầu tư, quy hoạch, giao đất, cấp phép xây dựng, tiếp cận tín dụng ưu đãi phải được rút ngắn, bảo đảm thuận lợi, rõ thời hạn và trách nhiệm cá nhân. **(3)** Các địa phương rà soát lại quỹ đất, hoàn thiện quy hoạch; trong đó, quy hoạch nhà ở trong mọi phân khúc phải gắn liền với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ xã hội thiết yếu,



Nguồn
Internet

thiết chế văn hóa, y tế, giáo dục,... trước hết tại các khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao và khu vực đô thị hóa nhanh; chủ động giải phóng mặt bằng, chuẩn bị quỹ đất sạch để phát triển nhà ở cho thuê. **(4)** Kiểm soát chặt chẽ, minh bạch các trường hợp được hưởng chính sách ưu tiên về nhà ở, không để xảy ra tình trạng trục lợi chính sách; kiểm soát, ngăn chặn tình trạng đầu cơ nhà ở. **(5)** Tăng cường ứng dụng công nghệ số, dữ liệu trong quản lý phát triển nhà ở và kinh doanh bất động sản.

Năm là, giao Đảng ủy Chính phủ nghiên cứu, xây dựng chính sách phát

triển nhà ở theo mô hình mới, phù hợp với Hiến pháp, chủ trương, đường lối của Đảng và nhu cầu của Nhân dân; sơ kết tình hình thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW, ngày 24/5/2024 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới, đề xuất ban hành văn bản phù hợp của Ban Bí thư hoặc Bộ Chính trị, làm cơ sở hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, trong đó sửa đổi, bổ sung Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản, trình Quốc hội thông qua trong năm 2026.□

Thanh Ngọc

NÊN CHO PHÉP NGƯỜI DÂN ĐƯỢC CAM KẾT...

(Tiếp theo trang 27)

Ngoài ra, tình trạng cơ quan chức năng làm sai hoặc làm chưa chính xác nhưng cuối cùng người dân phải chịu thiệt thòi. Minh chứng là nhiều trường hợp liên quan đến đất đai cơ quan chức năng đo đạc không đúng thực tế nên khi cấp diện tích trong giấy tờ không chính xác. Đến nay người dân muốn tách thửa, chuyển nhượng, thế chấp hoặc thực hiện kê khai đền bù, bồi thường giải phóng mặt bằng lại gặp vướng mắc, không tháo gỡ được.

Từ những vấn đề vướng mắc, khó khăn nêu trên, các cơ quan có thẩm quyền cần phải vào cuộc quyết liệt để giải quyết, tháo gỡ vướng mắc cụ thể này cho người dân. Đặc biệt nên coi đây là "điểm nghẽn" về thể chế, về pháp luật rất cấp bách để có hướng xử lý kịp thời, triệt để, rốt ráo để bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người dân.

Theo quan điểm cá nhân tôi, để giải quyết tình trạng này nên cho phép người dân, đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan được cam kết khi mất hồ sơ, giấy tờ liên

quan đến việc giải quyết TTHC và họ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc cam kết đó. Tất nhiên, trên cơ sở cam kết đó, cơ quan chức năng cần thẩm tra, xác minh và lấy ý kiến của những người làm chứng liên quan. Tuyệt đối không để tình trạng "người thật, việc thật" nhưng vướng giấy tờ, hồ sơ mà dẫn đến thiệt thòi cho người dân, doanh nghiệp. Mặt khác, khi giải quyết đối với các hồ sơ này thì cán bộ, công chức và cơ quan chức năng liên quan sẽ được miễn hoàn toàn trách nhiệm, nếu có sai sót, gian dối từ phía người dân (lỗi khách quan). Có như vậy, mới giải quyết triệt để, dứt điểm tình trạng hồ sơ, TTHC của người dân tồn đọng, vướng mắc mà không có hướng giải quyết và vụ việc mãi mãi ở trạng thái "treo"!; đồng thời, góp phần khơi thông nguồn lực, phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết căn cơ tình trạng khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến việc giải quyết các TTHC tồn đọng, kéo dài hiện nay.□

ThS-Lg Phạm Văn Chung

QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT



QUỸ HỖ TRỢ XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT

Thực hiện Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội khóa XV về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15; ngày 29/12/2025, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 3722/QĐ-BTP ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ xây dựng chính sách, pháp luật (gọi tắt là Quỹ) trụ sở của Quỹ: 60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội.

Theo đó, Quyết định này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ xây dựng chính sách, pháp luật theo quy định tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP

ngày 06/11/2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. Quỹ hỗ trợ xây dựng chính sách, pháp luật là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, có tư cách pháp nhân, trực thuộc Bộ Tư pháp, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận. Quỹ huy động, tiếp nhận và quản lý các nguồn lực hợp pháp nhằm hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, xây dựng chính sách, pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật, góp phần vào sự phát triển bền vững, thịnh vượng của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Mục tiêu, nhiệm vụ của Quỹ là huy động, tiếp nhận và phát huy nguồn lực hợp pháp từ tổ chức, cá nhân trong nước để hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, xây dựng chính sách, pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật. Hỗ trợ, tài trợ cho dự án, nhiệm vụ, hoạt động không được ngân sách nhà nước cấp kinh phí hoặc cần bổ sung kinh phí nhằm tạo thay đổi đột phá, tích cực, hiệu quả, bền vững về xây dựng pháp luật. Trong đó, (1) Đối với xã hội: Góp phần đổi mới phương thức làm luật; bảo đảm chính sách, pháp luật có “chất lượng thực”, “đúng và trúng”, “rõ và khả thi”, giảm chi phí tuân thủ và nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành; là cầu nối huy động trí tuệ xã hội - tăng cường cơ chế tham vấn, đối thoại chính sách và phản hồi. (2) Đối với người dân: Góp phần hoàn thiện quy định pháp luật theo hướng rõ

ràng, dễ tiếp cận; lấy con người làm trung tâm, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp. (3) Đối với doanh nghiệp: Góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; giảm chi phí tuân thủ; nâng cao tính dự báo, ổn định và minh bạch của chính sách, pháp luật, thủ tục hành chính; khuyến khích đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ.

Quỹ xem xét hỗ trợ, tài trợ đối với 08 nhiệm vụ chính sau: (1) Nhiệm vụ, hoạt động nghiên cứu, hoạch định chiến lược về xây dựng pháp luật. (2) Nhiệm vụ, hoạt động nghiên cứu chính sách, xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tham gia xây dựng pháp luật quốc tế. (3) Nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn tham gia nghiên cứu, xây dựng chính sách, pháp luật. (4) Tổ chức, tham gia các hội nghị, hội thảo, diễn đàn pháp lý trong nước, quốc tế. (5) Hỗ trợ nghiên cứu xây dựng Đề án soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật tập trung, chuyên nghiệp. (6) Hỗ trợ một số hoạt động giám sát thi hành pháp luật; kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật. (7) Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ, hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật. (8) Hỗ trợ nhiệm vụ, hoạt động khác trong xây dựng pháp luật theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.

Về hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí theo thỏa thuận và hồ sơ được phê duyệt; hỗ trợ bằng hiện vật, dịch vụ hợp pháp (*chuyên gia, đào tạo, công nghệ, bản quyền, giảm phí dịch vụ...*); hỗ trợ không gắn với mục tiêu chuyên đề và hỗ trợ gắn với mục tiêu chuyên đề. Nguyên tắc hoạt động là công khai, minh bạch, đúng mục tiêu, đúng quy định. Ưu tiên đề xuất có tác động rõ ràng, đo lường được, có căn cứ, bằng chứng và khả năng nhân rộng; đúng trọng tâm - tránh dàn trải.□

Phạm Văn Chung

CẦN CÓ THÊM NHIỀU BÃI CHỨA, BÃI TẬP KẾT RÁC THẢI RẮN

Hiện nay, tình trạng đổ rác, xả rác bừa bãi ra môi trường, nhất là đổ trộm các loại chất thải rắn như xà bần, đồ gia dụng đã qua sử dụng ra môi trường gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường đang diễn ra hết sức nghiêm trọng. Nguyên nhân chủ yếu là do ý thức kém của một bộ phận người dân, tuy nhiên về khách quan có thể là do không có chỗ để người dân đổ rác, nhất là các loại xà bần, chất thải rắn thải ra từ các việc tháo dỡ công trình, nhà cửa khi cải tạo, xây mới.

Hầu như các bãi chứa, điểm xử lý chất thải rắn thường nằm rất xa khu dân cư, có nơi cách hàng chục km mới có bãi chứa rác thải rắn. Điều này không những gây ra bất tiện, khó khăn và chi phí tốn kém cho người dân khi có nhu cầu đổ rác thải mà việc quản lý của cơ quan chức năng, chính quyền địa phương cũng khó khăn vì hành vi đổ trộm chất thải rắn. Vì vậy, dù cơ quan chức năng, chính quyền các địa phương một số nơi vào cuộc quyết liệt, xử lý khá nhiều trường hợp tổ chức, cá nhân đổ trộm rác thải rắn ra

môi trường nhưng tình trạng này không giảm mà có xu hướng ngày càng gia tăng nghiêm trọng, nhất là ở khu vực đô thị, điểm đông dân cư.

Hậu quả của việc đổ trộm chất thải rắn ra môi trường là rất nguy hại, không chỉ gây ô nhiễm môi trường sống, ảnh hưởng đến sức khỏe, sinh hoạt của người dân mà còn gây mất an ninh trật tự xã hội. Theo đó, việc đổ trộm chất thải rắn sẽ kéo theo tình trạng bảo kê đổ rác hoặc người dân tự ý lập bãi rác để thu tiền, trực lợi trái quy định. Do đó, vấn đề phức tạp hiện nay là các địa phương nhất là các khu vực đô thị đang thiếu nghiêm trọng các bãi chứa, bãi tập kết rác thải rắn tạm thời để người dân có điểm xả, thải rác, chất thải rắn mà không phải đi quá xa, quá tốn kém, bất tiện nên thực hiện hành vi đổ trộm ra môi trường.

Vì vậy, để giải quyết tình trạng này các cơ quan chức năng, chính quyền

các địa phương phải sớm thực hiện quy hoạch, đầu tư xây dựng các bãi chứa rác thải, bãi tập kết rác thải rắn tạm thời để người dân có địa điểm bỏ rác thải rắn. Theo đó, cần tập trung nguồn lực coi đây là nhiệm vụ cấp bách của địa phương, vì không chỉ giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường mà còn là giải pháp cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút khách du lịch đến với các địa phương; đồng thời, gấp rút đầu tư các nhà máy xử lý rác thải hiện đại, quy mô lớn nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý triệt để tình trạng đổ trộm rác thải rắn ra môi trường. Đây cũng là biện pháp hữu hiệu vừa bảo vệ môi trường, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và còn vừa tận dụng rác thải để sản xuất điện hoặc tạo ra các sản phẩm hữu ích khác phục vụ đời sống người dân. □

Vĩnh Linh



Nguồn Internet

Đồng chí

HỒ TÙNG MẬU

người cộng sản kiên trung,
nhà lãnh đạo tài năng của
đảng, tấm gương đạo đức
cách mạng cao đẹp



Đồng chí Hồ Tùng Mậu, tên khai sinh là Hồ Bá Cự, sinh ngày 15/6/1896 tại làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (nay là xã Quỳnh Anh, tỉnh Nghệ An). Sinh ra trong một gia đình giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, Hồ Tùng Mậu luôn trăn trở và tìm đường cứu nước. Ban đầu, được các cụ Phan Bội Châu và Hồ Học Lãm giới thiệu, Hồ Tùng Mậu đã gặp Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tại Quảng Châu (Trung Quốc) và được Người trực tiếp đào tạo, huấn luyện theo con đường cách mạng vô sản.

Tiếp nhận ánh sáng Chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng chí Hồ Tùng Mậu đã dồn hết tâm trí, nghị lực, thời gian cho việc học tập và giúp Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tổ chức các khóa huấn luyện chính trị đặc biệt tại Quảng Châu - Trung Quốc. Sau thời gian vận động, chuẩn bị cho việc hợp nhất các tổ chức cộng sản trong nước, đầu năm 1930, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập và chủ trì hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng chí Hồ Tùng Mậu có đóng góp quan trọng vào quá trình vận động đi đến thống nhất các tổ chức cộng sản trong nước thành một chính đảng cộng sản duy nhất, chấm dứt sự khủng hoảng về tổ chức lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Bản lĩnh người cộng sản của Hồ Tùng Mậu được thể hiện rõ nhất trong những

năm tháng bị tù đầy kéo dài hơn 14 năm. Qua nhiều nhà tù, chịu đựng nhiều gian lao, cực khổ, người cán bộ lão luyện Hồ Tùng Mậu luôn giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cách mạng, là trung tâm đoàn kết các anh em tù chính trị, truyền cho anh em, đồng chí những kinh nghiệm đấu tranh cách mạng bền bỉ.

Tháng 7/1945, Xứ ủy Trung Kỳ điều động đồng chí Hồ Tùng Mậu tham gia chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền đang diễn ra ở các tỉnh miền Trung, đóng góp vào thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược, đồng chí Hồ Tùng Mậu đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và anh dũng hy sinh, để lại tấm gương đạo đức cách mạng và một lẽ

sống cao đẹp: Vì nước, vì dân, hy sinh vì nghĩa lớn.

Đồng chí Hồ Tùng Mậu - Nhà lãnh đạo tài năng của Đảng

Giai đoạn 1925 - 1926, đồng chí Hồ Tùng Mậu đã tích cực hoạt động tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện chính trị, xây dựng lực lượng cho cách mạng. Qua việc tham gia tổ chức giảng dạy tại các lớp huấn luyện cán bộ ở Quảng Châu, trực tiếp tuyên truyền vận động xây dựng tổ chức, đồng chí Hồ Tùng Mậu đã thể hiện rõ phẩm chất, năng lực hoạt động cách mạng. Cống hiến quan trọng của đồng chí Hồ Tùng Mậu là những đóng góp trong việc tổ chức nhiều hoạt động chuẩn bị tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đồng chí Hồ Tùng Mậu hoạt động không mệt mỏi nhằm tuyên truyền vận động thanh niên trong và ngoài nước tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đồng chí được giao xây dựng dự thảo Điều lệ của Hội, tham gia xuất bản tờ báo Thanh Niên, tổ chức cơ quan huấn luyện “chính trị đặc biệt” cho cán bộ trong nước sang hoạt động, là Ủy viên ngoại giao của Chi hội Việt Nam trong Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

Trên cương vị Chính ủy Liên khu IV, đồng chí Hồ Tùng Mậu đã quan tâm củng cố, kiện toàn tổ chức Đảng ở các tỉnh Bắc Trung bộ (Thanh - Nghệ - Tĩnh - Bình - Trị - Thiên); chú trọng công tác chính trị, tư tưởng trong lực lượng vũ trang. Khi được cử phụ trách, kiêm Chính ủy của Trường Quân chính ở Nhượng Bạ, đồng chí đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình, đào tạo hàng trăm cán bộ chỉ huy và chính ủy viên cấp Đại đội, Tiểu đoàn cho lực lượng Vệ quốc đoàn Quân khu IV và các đoàn quân Nam tiến, được Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá rất cao.

Khi Trung ương Đảng chủ trương tổ chức các Khu ủy và Ủy ban kháng chiến khu, đồng chí Hồ Tùng Mậu được cử làm

Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Liên khu IV. Đồng chí đã thể hiện rõ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của mình, đi sâu đi sát thực tế kháng chiến, kiến quốc của quân và dân Liên khu IV. Đồng chí đã cùng các đồng chí trong Liên khu ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính Liên khu IV tăng cường xây dựng, củng cố tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, cải tiến lề lối làm việc, cách thức điều hành hoạt động, tổ chức quân và dân Liên khu IV thực hiện sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng và Bộ Tổng Tư lệnh, tích cực xây dựng lực lượng, chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng kẻ thù.

Tháng 12/1949, đồng chí Hồ Tùng Mậu được Chủ tịch Hồ Chí Minh cử giữ chức Tổng Thanh tra Chính phủ. Đồng chí đã chỉ đạo xử lý nhiều vụ việc tiêu cực, tham ô, mất dân chủ. Chỉ trong thời gian chưa đầy 02 năm trên cương vị Tổng Thanh tra Chính phủ, đồng chí Hồ Tùng Mậu đã góp phần xây dựng nền móng hệ thống lý luận của Thanh tra Việt Nam; kiên quyết xử lý những sai phạm của cán bộ, đảng viên, làm trong sạch tổ chức bộ máy nhà nước, củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng và Chính phủ, củng cố mối quan hệ quân, dân, chính, Đảng; góp phần đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đi đến thắng lợi.

Đồng chí Hồ Tùng Mậu đã vận dụng tốt chính sách đại đoàn kết dân tộc và đường lối kháng chiến, kiến quốc toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh, đem “tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân”. Những lần đi công tác xuống cơ sở, đồng chí Hồ Tùng Mậu thường đến từng xã, gặp từng cán bộ, lắng nghe tình hình công tác, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và góp ý kiến tỉ mỉ về mọi công việc và cách lãnh đạo của cán bộ xã.

Là Hội trưởng Hội Việt - Hoa hữu nghị đầu tiên (thành lập năm 1950), đồng chí đã nêu cao tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, góp phần xây dựng và thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa hai nước.

Đồng chí Hồ Tùng Mậu - Tấm gương đạo đức cách mạng cao đẹp

Đồng chí Hồ Tùng Mậu luôn thể hiện là một người cán bộ cương trực và trung hậu, luôn sẵn sàng làm nhiệm vụ với một tinh thần trách nhiệm cao. Với phẩm chất cách mạng tốt đẹp cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, tinh thần tận tụy, thanh liêm, đồng chí là hiện thân sinh động của một chiến sĩ cách mạng, vừa là nhà lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật sự trung thành của nhân dân. Cuộc đời cách mạng của đồng chí Hồ Tùng Mậu đã thể hiện rõ phẩm chất đạo đức mẫu mực của người cộng sản chân chính, suốt đời hy sinh phấn đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc; vì ấm no, hạnh phúc của nhân dân.

Phẩm chất đạo đức cách mạng cao đẹp thể hiện rõ khi đồng chí Hồ Tùng Mậu được giao làm Tổng Thanh tra Chính phủ đầu tiên.

Nhân ái, khoan dung, độ lượng là phẩm chất làm người cao thượng của đồng chí Hồ Tùng Mậu. Từ tình yêu quê hương, gia đình, bà con làng xóm, thương đồng chí, đồng bào bị áp bức, bóc lột và các dân tộc nô lệ bị đọa đày, trở thành tình thương yêu nhân loại và đạt đến chủ nghĩa nhân văn cộng sản cao quý.

Với gia đình, đồng chí Hồ Tùng Mậu dành tình cảm yêu thương sâu lắng, quan tâm chu đáo, biết nén nỗi đau riêng để vững bước đi theo con đường đã chọn. Với bà con, quê hương, đồng chí gần gũi, chia sẻ đầy trách nhiệm. Với cấp dưới, đồng sự, đồng chí bao giờ cũng sâu sát, ân cần. Ở đồng chí Hồ Tùng Mậu toát lên đạo lý sống ngàn đời của dân tộc: Yêu nước, thương nòi, nhân ái với con người.

55 năm tuổi đời với hơn 30 năm hoạt động cách mạng gian khổ, đồng chí Hồ Tùng Mậu đã đem hết sức lực, tài năng và trí tuệ của mình phục vụ sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc. Được Đảng, Nhà nước tin tưởng giao nhiều trọng trách quan trọng, Đồng chí luôn làm hết sức mình, góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực, hiệu quả lãnh đạo

và sức chiến đấu của Đảng. Tấm gương về lòng trung thành, tận tụy với Tổ quốc, với Đảng và Nhân dân, tinh thần cách mạng dũng cảm, kiên cường, bất khuất, đức tính cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư và tình yêu thương đối với đồng chí, đồng bào của đồng chí Hồ Tùng Mậu được toàn Đảng, toàn dân ta kính trọng và noi theo.

Kỷ niệm 130 năm Ngày sinh đồng chí Hồ Tùng Mậu (15/6/1896 - 15/6/2026) là dịp để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta thành kính tri ân công lao và những đóng góp to lớn của Đồng chí cùng các nhà lãnh đạo tiên bối tiêu biểu đối với sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc; đồng thời, đây cũng là dịp tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước, lý tưởng cách mạng; bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, đạo đức công vụ và tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Đối với đội ngũ công chức, viên chức, người lao động ngành Tư pháp, việc học tập và noi gương đồng chí Hồ Tùng Mậu có ý nghĩa thiết thực trong việc nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm, tinh thần tận tụy phục vụ Nhân dân; không ngừng đổi mới tư duy, nâng cao chất lượng tham mưu, hoàn thiện thể chế, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước bằng pháp luật; góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, liêm chính, hiện đại và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng vẻ vang của đồng chí Hồ Tùng Mậu sẽ mãi là tấm gương sáng để các thế hệ hôm nay và mai sau học tập, noi theo; là nguồn động viên, cổ vũ mạnh mẽ để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta tiếp tục đoàn kết, chung sức đồng lòng xây dựng đất nước Việt Nam phát triển nhanh, bền vững, phồn vinh và hạnh phúc trong kỷ nguyên mới. □

(Theo tài liệu của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương)



Đoàn công tác của Sở Tư pháp học tập kinh nghiệm hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Hàn Quốc



Đồng chí Trà Thanh Danh, TUV, Giám đốc Sở Tư pháp phát biểu chỉ đạo Hội nghị



*Sở Tư pháp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về TTATGT
tại phường Đắk Blá*